

Số: 38/2023/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 18 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 835/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2022 giữa:

\* **Nguyên đơn:** Anh **Phạm Minh T**, sinh năm 1991.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi ở: Thôn D, xã V, huyện Đ, thành phố H.

\* **Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1996.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi ở: Thôn D, xã V, huyện Đ, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 1 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 1 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về các vấn đề đã thoả thuận, thống nhất.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Anh Phạm Minh T và chị Nguyễn Thị T.

**2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về con chung:** Anh Phạm Minh T và chị Nguyễn Thị T có hai con chung là Phạm Kim N, sinh ngày 6/2/2017 và Phạm Hồng A, sinh ngày 10/12/2018. Sau khi ly hôn, anh T và chị T thống nhất giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 1 năm 2023 cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Anh Phạm Minh T và chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Anh Phạm Minh T và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), mỗi người phải chịu 1/2, hai bên thỏa thuận để anh Phạm Minh T chịu toàn bộ 150.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0047399 ngày 26/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Anh T được nhận lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã V ( Đăng kí KH số 80 ngày 28/10/2016);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**Thẩm phán**

**Phạm Thị Thu Huyền**